

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 474/QĐ-CĐSL, ngày 27 tháng 8 năm 2020
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La)

Tên ngành, nghề: Khuyến nông lâm

Mã ngành, nghề: 5620122

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở trở lên.

Thời gian đào tạo: 2 năm

I. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, sức khỏe, đạo đức nghề nghiệp, có kiến thức và kỹ năng về khuyến nông, có khả năng làm việc tại các thành phần kinh tế, các cấp chính quyền, các tổ chức và đoàn thể xã hội liên quan đến khuyến nông. Người học sau khi tốt nghiệp có khả năng chuyển giao kỹ thuật và đảm nhận được nhiệm vụ xây dựng, tuyên truyền vận động về công tác khuyến nông lâm tại hợp tác xã nông nghiệp, trang trại, công ty kinh doanh và doanh nghiệp nông lâm nghiệp ở mức độ vừa và nhỏ, học tiếp lên bậc cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể

* Về kiến thức:

- Trình bày được chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển nông, lâm, ngư nghiệp;
- Trình bày được các kiến thức về phương pháp khuyến nông, đào tạo, tập huấn, thông tin truyền thông khuyến nông, kế hoạch khuyến nông;
- Mô tả được các hoạt động xây dựng mô hình trình diễn, đào tạo tập huấn; tư vấn, dịch vụ trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về kỹ thuật chăn nuôi một số loài vật nuôi, thủy sản và qui trình kỹ thuật nhân giống, trồng, chăm sóc, thu hoạch và bảo quản sản phẩm của một số loài cây nông lâm nghiệp phổ biến;
- Trình bày được một số phương pháp và kỹ thuật để bảo vệ môi trường; những quy định về an toàn lao động, chế độ bảo hộ lao động ngành nông lâm nghiệp;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất, tin học theo quy định.

* Về kỹ năng:

- Thực hiện được các hoạt động đào tạo, tập huấn, xây dựng mô hình trình diễn, tư vấn dịch vụ, truyền thông trong khuyến nông;

- Thực hiện được các công việc chuẩn bị hội thảo, hội nghị, diễn đàn, hội thi khuyến nông; theo dõi, giám sát và viết được các báo cáo về các hoạt động khuyến nông;

- Thực hiện và hướng dẫn được công việc trồng một số loài cây lâm nghiệp, cây nông nghiệp, chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản đúng yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo an toàn lao động và bảo vệ môi trường;

- Chỉ đạo sản xuất các loại cây trồng, vật nuôi trong hợp tác xã, trang trại, và nông hộ;

- Thực hiện được phương pháp tiếp cận phù hợp với người dân trong tư vấn, hỗ trợ và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật;

- Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, hợp tác và làm việc với nông dân;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- Có phẩm chất đạo đức tốt và nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc;

- Trung thực và có tính kỷ luật cao, có khả năng làm việc độc lập, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao; lao động có chất lượng và năng suất cao;

- Có khả năng làm việc độc lập và theo nhóm; có khả năng giải quyết công việc trong điều kiện làm việc thay đổi;

- Hướng dẫn giám sát đồng nghiệp thực hiện nhiệm vụ, chịu trách nhiệm cá nhân và một phần trách nhiệm với nhóm trong phạm vi công việc được giao;

- Có khả năng đánh giá chất lượng, kết quả công việc của bản thân và nhóm sau khi hoàn thành công việc được giao.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Xây dựng mô hình chuyển giao khoa học công nghệ;

- Đào tạo, tập huấn khuyến nông lâm;

- Thông tin, tuyên truyền khuyến nông lâm;

- Tư vấn, dịch vụ khuyến nông lâm;

- Khuyến nông cơ sở.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học: 21

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 55 tín chỉ.

- Khối lượng các môn học chung: 255 giờ.

- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1155 giờ.

- Khối lượng lý thuyết: 346 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 1013 giờ; kiểm tra: 51 giờ.

3. Nội dung chương trình

Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ Thí nghiệm/ Bài tập/ Thảo luận	Kiểm tra
I. Các môn học chung		12	255	94	148	13
MH01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH04	GDQP&AN	2	45	21	21	3
MH05	Tin học	2	45	15	29	1
MH06	Tiếng Anh	4	90	30	56	4
II. Các môn học cơ sở, chuyên môn		43	1155	252	865	38
II.1. Các môn học cơ sở		7	105	98	0	7
MH07	Trồng trọt đại cương	3	45	42	0	3
MH08	Phương pháp khuyến nông cơ bản	4	60	56	0	4
II.2. Các môn học chuyên môn		27	870	70	778	22
MH09	Chính sách phát triển nông thôn	3	45	42	0	3
MH10	Phương pháp đào tạo huấn luyện KN	2	60	0	58	2
MH11	Thông tin truyền thông khuyến nông	2	30	28	0	2
MH12	Chăn nuôi chuyên khoa	3	90	0	87	3
MH13	Kỹ thuật trồng trọt	3	90	0	87	3
MH14	Kỹ thuật lâm sinh	3	90	0	87	3
MH15	Nông lâm kết hợp	2	60	0	58	2
MH16	Thực tập nghề nghiệp	3	135	0	132	3
MH17	Thực tập tốt nghiệp	6	270	0	269	1
II.3. Môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp		5	120	28	87	5
MH 18	Phát triển cộng đồng	2	30	28	0	2
MH19	Lập kế hoạch khuyến nông	3	90	0	87	3
II.4. Các môn học tự chọn (chọn 1 trong 3 chuyên ngành sau)		4	60	56	0	4

Chuyên ngành: Bảo vệ thực vật						
MH20	Thuốc BVTV	2	30	28	0	2
MH21	Động vật hại nông nghiệp	2	30	28	0	2
Chuyên ngành: Trồng trọt						
MH22	Bảo quản chế biến nông sản	2	30	28	0	2
MH23	Kỹ thuật trồng hoa, cây cảnh	2	30	28	0	2
Chuyên ngành: Phát triển nông thôn						
MH24	Lập và quản lý dự án	2	30	28	0	2
MH25	Quản lý nông trại	2	30	28	0	2
Tổng cộng:		55	1410	346	1013	51

4. Kế hoạch giảng dạy

Học kỳ 1 12 (7,5)	Học kỳ 2 17 (12,5)	Học kỳ 3 11 (2,9)	Học kỳ 4 15 (4,11)
GD Chính trị 2(2,0)	Phát triển cộng đồng 2 (2,0)	Thông tin truyền thông khuyến nông 2(2,0)	Nông lâm kết hợp 2(0,2)
Pháp luật 1(1,0)	Trồng trọt đại cương 3(3,0)	Lập kế hoạch khuyến nông 3(0,3)	Môn tự chọn 1 2(2,0)
GDTC 1(0,1)	Phương pháp KNCB 4 (4,0)	Kỹ thuật trồng trọt 3(0,3)	Môn tự chọn 2 2(2,0)
GDQP-AN 2 (1,1)	Chính sách phát triển NT 3(3,0)	Kỹ thuật lâm sinh 3 (0,3)	Thực tập nghề nghiệp 3(0,3)
Tin học 2 (1,1)	Phương pháp ĐTHLKN 2(0,2)		Thực tập tốt nghiệp 6(0,6)
Tiếng Anh 4 (2,2)	Chăn nuôi CK 3 (0,3)		

5. Hướng dẫn sử dụng chương trình

5.1. Thực hiện các môn học trong chương trình đào tạo

- Các môn học chung bắt buộc: các khoa, bộ môn tổ chức giảng dạy theo chương trình do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành;
- Chọn chuyên ngành và các môn tự chọn: Các khoa, bộ môn, CVHT-GVCN hướng dẫn HSSV chọn chuyên ngành phù hợp với bản thân, kèm theo các môn học theo hướng chuyên ngành đảm bảo đủ tối thiểu số tín chỉ quy định.
- Chọn các môn học thay thế: HSSV có thể lựa chọn các môn học thay thế quy định trong các môn học tự chọn của chương trình nhưng phải đảm bảo theo hướng chuyên ngành và có số tín chỉ không ít hơn số tín chỉ của môn học đã học;
- Thứ tự lựa chọn các môn học phải đảm bảo các môn học trước, các môn học tiên quyết quy định trong chương trình;
- Đảm bảo số tín chỉ tối thiểu và tối đa đối với từng trạng thái của HSSV trong thời điểm đăng ký môn học.

5.2 Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Bố trí cho sinh viên tham quan, học tập, tham gia thực hành thực tập tại phòng thực hành, tại các địa điểm thực tế vào thời điểm cuối khóa và thực tập nghề nghiệp;
- Học tập chính trị đầu khoá; Học tập về Tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; Tham gia phong trào Thanh niên tình nguyện; Kỹ năng tìm việc làm;
- Tổ chức các diễn đàn Thanh niên lập nghiệp, Phát triển kinh tế hộ gia đình, Giáo dục an toàn giao thông, Giáo dục sức khoẻ giới tính;
- Thời gian hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá vào thời điểm thích hợp.

5.3. Phương pháp giảng dạy

- Giảng viên lựa chọn các phương pháp dạy học phù hợp nhằm phát huy tính tích cực, chủ động của người học, trên cơ sở phát triển vốn kiến thức, kỹ năng mà người học đã tích lũy được. Khuyến khích giảng viên áp dụng các PPGD sáng tạo phát huy năng lực của cá nhân và nhóm, cần kết hợp giữa giao nhiệm vụ chuẩn bị ở nhà với giải đáp, truyền thụ các kiến thức mới trọng tâm trên lớp, đảm bảo hài hòa giữa phát triển kiến thức mới với củng cố, hệ thống hóa kiến thức. Thông qua các hình thức kiểm tra thường xuyên, định kỳ để phát hiện, bổ sung kiến thức thiếu cho người học.
- Giảng viên cần tạo môi trường học tập phù hợp với từng loại hình bài dạy, khuyến khích người học phát huy tối đa khả năng của cá nhân, đồng thời tạo cơ hội để phát triển năng lực tổ chức và hoạt động theo nhóm nhỏ.
- Giảng viên cần cụ thể việc lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy trong kế hoạch bài học (giáo án).
- Đầu mỗi năm học khoa, bộ môn tổ chức cho giảng viên đăng ký các PPGD sẽ áp dụng trong năm học đối với từng môn học được phân công giảng dạy. Trên cơ sở phân công của bộ môn, giảng viên đăng ký đổi mới PPGD với bộ môn và khoa trong đó cần cụ thể thời điểm đăng ký và thực hiện cải tiến PPGD trong năm học.

5.4. Hướng dẫn phương pháp đánh giá môn học

5.4.1. Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ

- Kiểm tra thường xuyên do giáo viên giảng dạy môn học thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học theo từng môn học thông qua việc kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác;

- Kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình môn học; kiểm tra định kỳ có thể bằng hình thức kiểm tra viết từ 45 đến 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác.

5.4.2. Thi kết thúc môn học

- Cuối mỗi học kỳ nhà trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc môn học; kỳ thi phụ được tổ chức cho người học chưa dự thi kết thúc môn học hoặc có môn học có điểm chưa đạt yêu cầu ở kỳ thi chính;

- Hình thức thi kết thúc môn học có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hàng năm khoa, bộ môn tổng hợp hình thức thi kết thúc môn học trình Hiệu trưởng phê duyệt thông qua phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng;

- Thời gian làm bài thi kết thúc môn học đối với mỗi bài thi viết từ 60 đến 120 phút, thời gian làm bài thi đối với các hình thức thi khác được quy định trong chương trình chi tiết môn học;

- Nội dung thi hết môn học phải đảm bảo đánh giá người học đạt hay không đạt chuẩn đầu ra của môn học, đồng thời phân loại được người học. Giảng viên quy định rõ về mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học đối với từng môn học trong đề cương môn học.

- Môn học được đánh giá là đạt yêu cầu nếu điểm môn học đạt từ 4 trở lên theo thang điểm 10 tương ứng với điểm D theo thang điểm 4.

5.5. Điều kiện được công nhận tốt nghiệp

Người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình;

- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên;

- Hoàn thành môn học Giáo dục quốc phòng – an ninh, Giáo dục thể chất theo quy định;

- Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Có đơn gửi nhà trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

5.6. Việc cập nhật kiến thức, kỹ năng, khoa học công nghệ vào chương trình đào tạo

- Hàng năm khoa, bộ môn tổ chức cho người học tham gia các hoạt động thực hành, thực tế, thực tập tại cơ sở như các cơ quan, doanh nghiệp, hợp tác

xã,...tổ chức lấy ý kiến của đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng, nghiệm thu chương trình đào tạo.

- Giảng viên thực hiện việc cập nhật những tiến bộ của khoa học công nghệ trên cơ sở tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng khác có cùng ngành, nghề đào tạo; lựa chọn, tham khảo chương trình đào tạo của một số trường đại học, cao đẳng trong khu vực và trên thế giới.

5.7. Các điều kiện đảm bảo chất lượng

(có phụ lục kèm theo: Trang thiết bị, nhà giáo, danh mục GTTL)

Phụ lục: Các điều kiện đảm bảo chất lượng tại tiểu mục 5.7, mục 5 hướng dẫn sử dụng chương trình (đính kèm chương trình đào tạo)

1. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

a) Cơ sở vật chất

- Số phòng học lý thuyết chuyên môn: 01

- Số phòng thực hành: 02

b) Thiết bị, dụng cụ đào tạo

TT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
I	DỤNG CỤ, THIẾT BỊ AN TOÀN LAO ĐỘNG		
1	Bảo hộ lao động Bộ		19
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
	<i>Quần bảo hộ</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>
	<i>Áo bảo hộ</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>
	<i>Mũ bảo hộ</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>
	<i>Kính bảo hộ</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>
	<i>Khẩu trang</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>
	<i>Găng tay</i>	<i>Đôi</i>	<i>1</i>
	<i>Ủng</i>	<i>Đôi</i>	<i>1</i>
II	DỤNG CỤ, THIẾT BỊ CHUYÊN NGÀNH		
2	Bộ dao	BỘ	1
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
	<i>Dao rựa</i>	<i>Chiếc</i>	<i>3</i>
	<i>Dao ghép</i>	<i>Chiếc</i>	<i>19</i>
	<i>Dao cắt mẫu</i>	<i>Chiếc</i>	<i>19</i>
3	Dụng cụ vệ sinh vườn	BỘ	1
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
	<i>Cưa cắt cành</i>	<i>Chiếc</i>	<i>3</i>
	<i>Kéo cắt cành</i>	<i>Chiếc</i>	<i>6</i>
	<i>Liềm</i>	<i>Chiếc</i>	<i>9</i>
	<i>Thang</i>	<i>Chiếc</i>	<i>2</i>
4	Dụng cụ làm đất	BỘ	1
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
	<i>Cuốc</i>	<i>Chiếc</i>	<i>6</i>
	<i>Xẻng</i>	<i>Chiếc</i>	<i>6</i>
	<i>Thuổng</i>	<i>Chiếc</i>	<i>3</i>
6	Dụng cụ xúc hạt giống, phân bón	Chiếc	3
7	Thúng	Chiếc	9
8	Xô	Chiếc	9
9	Sàng	Chiếc	3

10	Tủ trung bày	Chiếc	3
11	Bàn thực hành	Chiếc	6
12	Kệ	Chiếc	6
13	<i>Cân</i>		
	<i>Cân điện tử</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>
	<i>Cân phân tích</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>
	<i>Cân đồng hồ</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>
14	Bộ thước	Bộ	1
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
	<i>Thước kẹp</i>	<i>Chiếc</i>	<i>3</i>
	<i>Thước dây</i>	<i>Chiếc</i>	<i>3</i>
	<i>Thước cây</i>	<i>Chiếc</i>	<i>3</i>
15	Khung điều tra dịch hại	Chiếc	19
16	Khay inox	Chiếc	6
17	Bàn thí nghiệm	Bộ	1
18	Tủ lạnh	Chiếc	2
19	Bình phun cầm tay	Chiếc	3
20	Bình phun đeo vai	Chiếc	3
21	Vợt bắt côn trùng	Chiếc	19
22	Nhà lưới	<i>Chiếc</i>	<i>3</i>
23	Máy bơm nước	Chiếc	1
24	Bộ mẫu phân hóa học	Bộ	1
25	Máy cà	Chiếc	1
26	Máy làm đất	Chiếc	1
27	Máy cắt cỏ	Chiếc	1
28	Xe rùa	Chiếc	<i>1</i>
29	Máy phun	Chiếc	<i>1</i>
30	Máy đo pH cầm tay	Chiếc	<i>19</i>
31	Máy đo Brix	Chiếc	<i>3</i>
32	Bảng so màu lá cây	Chiếc	<i>19</i>
33	Bộ dụng cụ thú y	Bộ	9
	<i>Mỗi bộ gồm:</i>		
	<i>Khay Inox</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>
	<i>Xi lanh</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>
	<i>Kim tiêm</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>
	<i>Panh</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>
	<i>Dao mổ</i>	<i>Chiếc</i>	<i>18</i>
	<i>Ống nghe</i>	<i>Chiếc</i>	<i>3</i>
	<i>Kéo</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>
34	Máy trộn thức ăn	Chiếc	1
35	Kim bấm răng	Chiếc	9

36	Kìm bấm số	Chiếc	9
37	Máy áp trứng	Chiếc	1
38	Nhiệt kế	Chiếc	3
39	Đĩa bàn cầm tay	Chiếc	19
40	Thước chữ A	Chiếc	19
41	Hệ thống tưới	Hệ thống	1
42	Giấy A0	Tờ	350
43	Giấy A4	Gam	5
44	Bút dạ	Chiếc	200
45	Giấy màu các màu	Gam	5
46	Nam châm	Hộp	10
47	Kẹp các cỡ	Hộp	5
48	Băng dính	Cuộn	10
49	Vườn ươm	Vườn	1
50	Vườn trồng	Vườn	5

2. Nhà giáo

a) Tổng số nhà giáo của ngành, nghề: 13

b) Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/giáo viên, giảng viên quy đổi: 13.8

c) Nhà giáo cơ hữu:

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học được phân công giảng dạy
A. Giáo viên môn chung					
1	Nguyễn Trọng chính	Đại học Luật	Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP		Pháp luật
2	Trương Thị Xuân Hương	Đại học Triết học			GD Chính trị
3	Trần Thị Bích Hạnh	Đại học Tiếng anh			Tiếng Anh
4	Hoàng Thị Nhất	Thạc sĩ Khoa học máy tính			Tin học
5	Vũ Ngọc Anh	Đại học SP GD thể chất			Giáo dục thể chất
6	Lương Văn Sơn	Thạc sĩ GD thể chất			Giáo dục quốc phòng – an ninh
B. Giáo viên chuyên môn					
1	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Kỹ sư khuyến nông & PTNT	Chứng chỉ bồi dưỡng		- Phương pháp khuyến nông cơ bản

			NVSP		- Phương pháp đào tạo huấn luyện khuyến nông - Kỹ thuật trồng hoa cây cảnh
2	Thân Thị Hồng Nhung	Kỹ sư khuyến nông	Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP		- Thông tin truyền thông khuyến nông - Phát triển cộng đồng - Lập kế hoạch khuyến nông
3	Lê Thị Thương	Thạc sỹ phát triển nông thôn	Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP		- Lập và quản lý dự án - Quản lý nông trại
4	Bùi Hoàng Dũng	Thạc sỹ phát triển nông thôn	Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP		- Chính sách PTNT - Bảo quản chế biến nông sản
5	Vương Văn Đàn	Thạc sỹ trồng trọt	Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP		- Trồng trọt ĐC - Kỹ thuật trồng trọt - Động vật hại nông nghiệp - Thuốc BVTV
6	Hoàng Văn Nam	Kỹ sư chăn nuôi	Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP		- Chăn nuôi chuyên khoa
7	Vì Văn Toàn	Thạc sỹ lâm sinh	Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP		- Kỹ thuật lâm sinh - Nông lâm KH

3. Thông tin chung về chương trình, giáo trình tài liệu giảng dạy

a) Tên chương trình: Khuyến nông lâm; Trình độ đào tạo: Trung cấp; Thời gian đào tạo: 2 năm; Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THCS trở lên.

b) Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của ngành/nghề: Khuyến nông lâm.

TT	Tên môn học	Tên giáo trình, tài liệu	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
A. Các môn chung					
1	Giáo dục chính trị	Tài liệu dạy học môn Giáo dục chính trị	Tập thể tác giả	Tổng cục GDNN	2020
2	Pháp luật	Tài liệu dạy học môn Pháp luật	Tập thể tác giả	Tổng cục GDNN	2020

3	Giáo dục thể chất	Tài liệu dạy học môn GDTC	Tập thể tác giả	Tổng cục GDNN	2020
4	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	Tài liệu dạy học môn GDQP-AN	Tập thể tác giả	Tổng cục GDNN	2020
5	Tin học	Tài liệu dạy học môn Tin học	Tập thể tác giả	Tổng cục GDNN	2020
6	Tiếng Anh	Tài liệu dạy học môn Tiếng Anh	Tập thể tác giả	Tổng cục GDNN	2020
B. Các môn chuyên môn					
1	Phát triển cộng đồng	Giáo trình phát triển cộng đồng	Nguyễn Kim Liên	LĐ - XH	2008
		Bài giảng phát triển cộng đồng	Nguyễn Hữu Hồng	Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên	2008
2	Trồng trọt đại cương	Giáo trình trồng trọt đại cương	Đặng Văn Minh	NXB NN	2006
3	Phương pháp khuyến nông cơ bản	Giáo trình Khuyến nông	Nguyễn Văn Long	NXB Nông nghiệp	2006
		Giáo trình Phương pháp khuyến nông	Đỗ Kim Chung	NXB Nông nghiệp	2011
4	Lập kế hoạch khuyến nông	Phương pháp đánh giá nông thôn có người dân tham gia (PRA) trong hoạt động khuyến nông khuyến lâm	Bộ Nông nghiệp và PTNT	NXB Nông nghiệp Hà Nội	1998
5	Chính sách phát triển nông thôn	Giáo trình Chính sách nông nghiệp	GS.TS Phạm Văn Đình và CS	NXB Nông nghiệp Hà Nội	2008
6	Phương pháp đào tạo huấn luyện khuyến nông	Giáo trình khuyến nông	Nguyễn Văn Long	NN	2006
7	Thông tin truyền thông khuyến nông	Bài giảng thông tin truyền thông KN	Đại học NL Thái Nguyên		
8	Chăn nuôi chuyên khoa	Giáo trình chăn nuôi chuyên khoa	Trần Văn Tường	Đại học NL Thái Nguyên	1999

9	Kỹ thuật trồng trọt	Giáo trình kỹ thuật trồng cây ăn quả	Phạm Văn Duệ	Nhà xuất bản Hà Nội	2005
		Giáo trình kỹ thuật trồng cây ăn quả	Trần Thế Tục	Đại học Sư phạm	2007
		Giáo trình đất và dinh dưỡng cây trồng	Nguyễn Thế Đăng	NXB NN	2011
		Giáo trình kỹ thuật trồng rau	Tạ Thu Cúc	NXB Nông nghiệp	2005
		Kỹ thuật trồng cây màu	Nguyễn Thế Hùng	NXB Hà Nội	2005
		Giáo trình cây công nghiệp	Đoàn Thị Thanh Nhân	NXB NN	1996
10	Kỹ thuật lâm sinh	Giáo trình kỹ thuật lâm sinh	Đặng Kim Vui, Lương Thị Anh	NXB đại học nông lâm Thái Nguyên	2013
11	Nông lâm kết hợp	Nông lâm kết hợp	Phạm Quang Vinh	Trường Đại học LN	2005
		Giáo trình nông lâm kết hợp	Đặng Kim Vui	NXB Nông nghiệp	2005
12	Thuốc BVTV	Giáo trình sử dụng thuốc BVTV	Nguyễn Trần Oánh	NXB NN	2007
		Giáo trình hóa BVTV	Trần Văn Hai	ĐH cần thơ	2009
13	Động vật hại nông nghiệp	Giáo trình động vật hại nông nghiệp	Nguyễn Văn Đĩnh	NXB NN	2005
14	Bảo quản chế biến nông sản	Giáo trình bảo quản nông sản	Nguyễn Mạnh Khải	NXB GD	2006
		Bảo quản chế biến nông sản sau thu hoạch		Lao động Xã hội,	2007
15	Kỹ thuật trồng hoa cây cảnh	Giáo trình kỹ thuật trồng hoa cây cảnh	Phạm Văn Duệ	NXB HN	2005
16	Lập và quản lý dự án	Giáo trình lập và quản lý dự án phát triển nông thôn	Hoàng Mạnh Quân	NXB NN	2007
17	Quản lý nông trại	Quản trị nông trại	Nguyễn Thị Song An	NXB Đại học Quốc gia TP HCM	2002

KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

NGÀNH, NGHỀ: KHUYẾN NÔNG LÂM

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 474/QĐ-CĐSL, ngày 27 tháng 8 năm 2020
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La)*

1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Khuyến nông lâm trình độ trung cấp là ngành, nghề tổ chức thực hiện tuyên truyền, phổ biến kiến thức, đào tạo huấn luyện và tư vấn, hỗ trợ cho nông dân nhằm thúc đẩy sản xuất nông lâm, ngư nghiệp phát triển, đáp ứng yêu cầu bậc 4 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Người học sau tốt nghiệp có khả năng các nhiệm vụ chính sau: Thực hiện thông tin tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong sản xuất nông lâm nghiệp đến người dân; phổ biến các kỹ thuật, tiến bộ khoa học và công nghệ, các điển hình tiên tiến trong sản xuất, kinh doanh nông lâm, ngư nghiệp; bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo cho nông dân về kỹ năng sản xuất, tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực nông lâm, ngư nghiệp; thực hiện các mô hình trình diễn và nhân rộng các mô hình tiến bộ khoa học và công nghệ phù hợp với từng địa phương, nhu cầu của người sản xuất và định hướng của ngành, các mô hình thực hành sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm; tư vấn về ngành nghề sản xuất và dịch vụ nông nghiệp nông thôn.

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 1410 giờ (tương đương 55 tín chỉ).

2. Kiến thức

- Trình bày được chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển nông, lâm, ngư nghiệp;
- Trình bày được các kiến thức về phương pháp khuyến nông, đào tạo, tập huấn, thông tin truyền thông khuyến nông, kế hoạch khuyến nông;
- Mô tả được các hoạt động xây dựng mô hình trình diễn, đào tạo tập huấn; tư vấn, dịch vụ trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về kỹ thuật chăn nuôi một số loài vật nuôi, thủy sản và qui trình kỹ thuật nhân giống, trồng, chăm sóc, thu hoạch và bảo quản sản phẩm của một số loài cây nông lâm nghiệp phổ biến;
- Trình bày được một số phương pháp và kỹ thuật để bảo vệ môi trường; những quy định về an toàn lao động, chế độ bảo hộ lao động ngành nông lâm nghiệp;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất, tin học theo quy định.

3. Kỹ năng

- Thực hiện được các hoạt động đào tạo, tập huấn, xây dựng mô hình trình diễn, tư vấn dịch vụ, truyền thông trong khuyến nông;

- Thực hiện được các công việc chuẩn bị hội thảo, hội nghị, diễn đàn, hội thi khuyến nông; theo dõi, giám sát và viết được các báo cáo về các hoạt động khuyến nông;

- Thực hiện và hướng dẫn được công việc trồng một số loài cây lâm nghiệp, cây nông nghiệp, chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản đúng yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo an toàn lao động và bảo vệ môi trường;

- Chỉ đạo sản xuất các loại cây trồng, vật nuôi trong hợp tác xã, trang trại, và nông hộ;

- Thực hiện được phương pháp tiếp cận phù hợp với người dân trong tư vấn, hỗ trợ và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật;

- Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, hợp tác và làm việc với nông dân;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

4. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Có phẩm chất đạo đức tốt và nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc;

- Trung thực và có tính kỷ luật cao, có khả năng làm việc độc lập, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao; lao động có chất lượng và năng suất cao;

- Có khả năng làm việc độc lập và theo nhóm; có khả năng giải quyết công việc trong điều kiện làm việc thay đổi;

- Hướng dẫn giám sát đồng nghiệp thực hiện nhiệm vụ, chịu trách nhiệm cá nhân và một phần trách nhiệm với nhóm trong phạm vi công việc được giao;

- Có khả năng đánh giá chất lượng, kết quả công việc của bản thân và nhóm sau khi hoàn thành công việc được giao.

5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Xây dựng mô hình chuyển giao khoa học công nghệ;

- Đào tạo, tập huấn khuyến nông lâm;

- Thông tin, tuyên truyền khuyến nông lâm;

- Tư vấn, dịch vụ khuyến nông lâm;

- Khuyến nông cơ sở.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Khuyến nông lâm trình độ trung cấp có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

7. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế đã tham khảo

- Chương trình đào tạo ngành Khuyến nông lâm của trường Đại học Lâm nghiệp, trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên.